TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-PT
Ngày 26/02/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh, bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLPT-DS ngày 07/01/2020 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 28//11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2020/QĐPT-DS ngày 06/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Th, sinh năm 1976.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1985.

Đều trú tại: Xóm 4, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hồ Viết H, sinh năm 1968. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1981. Có mặt.

Đều trú tại: Xóm 4, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hồ Thị Th trình bày: Ngày 29/01/2019, chị Hoàng Thị K có vay của gia đình chị số tiền 700.000.000 đồng, theo giấy vay đề ngày 29/01/2019. Hai bên thỏa thuận lãi suất khi vay là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng tính từ ngày vay. Chữ viết trong giấy vay tiền là của chị; chị K ký tên và nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, vợ chồng chị đã trực tiếp và điện thoại đòi nợ nhiều lần, chị K mới trả cho gia đình chị 100.000.000 đồng tiền gốc; chưa trả đồng tiền lãi nào. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị K, anh Ch phải

có trách nhiệm trả nợ cho gia đình chị số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử vụ án, cụ thể như sau: 600.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 10 tháng = 90.000.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 690.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Hoàng Thị K trình bày: Ngày 29/01/2019, chị có vay của chị Hồ Thị Th số tiền 700.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 29/01/2019. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ trong giấy vay. Chữ viết trong giấy vay là của chị Th. Chị đã ký tên trong giấy vay và nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, chị đã trả cho chị Th 200.000.000 đồng tiền gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi suất (trong đó có 01 giấy trả số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc đề ngày 10/3, trả qua chị Hồ Thị Th là nhân viên bán hàng của gia đình chị Th). Còn số tiền 170.000.000 đồng chị trả cho chị Th nhưng hai bên không làm giấy tờ gì và không có ai biết chị trả nợ khoản tiền này cho chị Th. Đến tháng 5/2019 thì vợ chồng chị Th, anh H đến nhà vợ chồng chị đòi nợ, do gia đình chị gặp khó khăn về kinh tế nên chị xin được trả dần số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng; còn số tiền lãi suất thì chị xin vợ chồng chị Th, anh H không trả. Chị vay tiền của vợ chồng chị Th, anh H về cho người khác vay lại, không có lợi nhuận. Khi chị vay khoản tiền trên thì anh Ch (chồng chị) không biết. Khoảng tháng 5/2019, vợ chồng chị Th, anh H đến nhà chị đòi nợ thì có mặt anh Ch. Hôm đó anh Ch có nói: Đây là khoản vay của chị K, không liên quan đến anh, nhưng anh sẽ hỗ trợ chị trả nợ cho vợ chồng chị Th, anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu Ch trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của vợ anh chị Hoàng Thị K. Việc chị K vay số tiền 700.000.000 đồng của vợ chồng chị Th, anh H là có thật. Chị K vay tiền để làm gì, không nói với anh nên anh không biết. Khi vợ chồng chị Th, anh H đến nhà vợ chồng anh đòi nợ thì có mặt anh. Hôm đó anh có nói với vợ chồng chị Th, anh H: Đây là khoản vay của chị K, không liên quan đến anh, nhưng anh sẽ hỗ trợ chị K trả nợ cho vợ chồng chị Th, anh H. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh phản đối việc Tòa án đưa anh tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và buộc anh cùng vợ anh là chị K phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị Th, anh H, trong khi anh không liên quan, không ký giấy vay, không vay số tiền trên của vợ chồng chị Th, anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Viết H trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày và yêu cầu của vợ anh là chị Hồ Thị Th. Anh yêu cầu vợ chồng chị Hoàng Thị K, anh Nguyễn Hữu Ch phải trả nợ cho gia đình anh số tiền nợ gốc và lãi suất tổng cộng là 690.000.000 đồng. Trong đó gốc 600.000.000 đồng, lãi 90.000.000 đồng.

Người làm chứng chị Hồ Thị Th trình bày: Chị là nhân viên bán hàng cho vợ chồng chị Th, anh H. Vào ngày 10/3 (chị không nhớ rõ năm nào), tại quán của vợ chồng chị Th, anh H chị có nhận thay số tiền 100.000.000 đồng do chị Hoàng Thị K trả và chị đã giao lại đủ số tiền trên cho chị Th, anh H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Hoàng Thị K, anh Nguyễn Hữu Ch phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị Hồ Thị Th, anh Hồ Viết H số tiền vay ngày 29/01/2019 là 600.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền lãi suất; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi suất là 690.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với vợ anh là chị Hoàng Thị K phải trả nợ cho chị Hồ Thị Th 690.000.000 đồng là không đúng vì việc vay tiền giữa chị K và chị Th anh không biết, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Ngày 17/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q kháng nghị toàn bộ nội dung bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã buộc anh Nguyễn Hữu Ch phải liên đới cùng chị Hoàng Thị K trả nợ cho vợ chồng chị Hồ Thị Th, anh Hồ Viết H 690.000.000 đồng là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Ch. Ngoài ra, hợp đồng vay tiền giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,5% tháng, không thỏa thuận lãi suất quá hạn nên theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,5%/tháng x 150% = 2,25%/tháng nhưng bản án sơ thẩm tuyên buộc bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Hữu Ch giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa cấp phúc thẩm không buộc anh phải liên đới cùng chị Hoàng Thị K trả nợ cho vợ chồng chị Hồ Thị Th và anh Hồ Viết H. Chị K đồng ý với ý kiến của anh Ch. Chị Th và anh H cho rằng do hai bên là hàng xóm láng giềng nên khi cho vay, anh chị không yêu cầu anh Ch ký giấy vay. Anh Ch còn chở chị Th đi Ngân hàng để lấy tiền nhưng anh chị không có chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung : Giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu Ch và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q sửa bản án sơ thẩm không buộc anh Ch phải liên đới cùng chị K trả nợ cho vợ chồng chị Th, anh H và tuyên lãi suất chậm thi hành án là 2,25%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu Ch kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Q kháng nghị bản án trong thời hạn và phạm vi xét xử nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu Ch và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q về việc không buộc anh Nguyễn Hữu Ch liên đới cùng chị Hoàng Thị K trả nợ cho chị Th và anh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại hợp đồng vay tiền được ký kết ngày 29/01/2019 thể hiện bên cho vay là chị Hồ Thị Th và anh Hồ Viết H, bên vay là chị Hoàng Thị K; số tiền vay là 700.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng; thời hạn vay kể từ ngày 29/01/2019 đến ngày 29/5/2019. Hợp đồng vay tiền do chị Hồ Thị Th và chị Hoàng Thị K ký, không thỏa thuận mục đích sử dụng tiền vay. Như vậy, đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất. Hết thời hạn vay, do bên vay chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng vay tài sản, nên chị Th khởi kiện yêu cầu chị K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay là 690.000.000 đồng, trong đó 600.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị K khai số tiền chị K vay của vợ chồng chị Th với mục đích vay hộ cho người khác, không có lợi nhuận, anh Ch chồng chị không biết. Anh Nguyễn Hữu Ch cho rằng đây là khoản nợ riêng của chị K, khi chị K vay anh không biết, chị K không đưa số tiền này về sử dụng trong gia đình, các nhu cầu sinh hoạt trong gia đình đều do anh chu cấp và cung cấp cho Tòa án bản sao hợp đồng lao động giữa Công ty cổ phần xây dựng giao thông và hạ tầng Thuận Phát với anh Nguyễn Hữu Ch. Anh Ch không đồng ý liên đới cùng chị K trả nợ cho chị Th mà chỉ hỗ trợ để chị K trả nợ. Chị Hồ Thị Th và anh Hồ Viết H đều thừa nhận khi chị K vay tiền của chị Th, anh Nguyễn Hữu Ch là chồng chị K không có mặt và không ký vào hợp đồng vay nhưng cho rằng vì quan hệ hàng xóm nên anh chị không yêu cầu anh Ch ký vào giấy vay và anh Ch có chở chị Th đến Ngân hàng để lấy tiền, tuy nhiên anh chị không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình thì "Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Khoản 20 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình".

Như vậy, theo quy định trên thì vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án chưa có cơ sở để xác định số tiền chị K vay vợ chồng chị Th là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho gia đình. Chị Th và anh H không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh Ch có tham gia cùng chị K vay khoản tiền trên của anh chị và cùng sử dụng số tiền đó với chị K. Vì vậy, chị K phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho chị Th, anh H. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Ch phải liên đới với chị K trả nợ là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Ch nên cần chấp nhận kháng cáo của anh Ch và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q; sửa bản án sơ thẩm, không buộc anh Ch phải liên đới với chị K trả nợ cho chị Th và anh H số tiền 690.000.000 đồng.

[3]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đối với quyết định lãi suất trong bản án, thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền giữa chị Hoàng Thị K và chị Hồ Thị Th thì khi vay tiền hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi suất nợ trong hạn là 1,5%/tháng mà không thỏa thuận mức lãi suất nợ quá hạn.

Tại điểm a khoản 1, 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao quy định:

"1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Toà án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo *mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468* của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. "Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn".

Như vậy, theo quy định trên thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn là 1,5%/tháng x 150% = 2,25%/tháng nhưng bản án sơ thẩm quyết định buộc bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015" là không đúng quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, sửa phần lãi suất chậm thi hành án trong phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh Nguyễn Hữu Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Chị K phải chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền 690.000.000 đồng cho chị Th và anh H nên phải chịu toàn bộ án phí án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Ch số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp. Hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu Ch và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 27, Điều 38, 147, 148, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Th. Buộc chị Hoàng Thị K phải trả nợ cho vợ chồng chị Hồ Thị Th, anh Hồ Viết H số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi là 90.000.000 đồng; tổng cộng là 690.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 2,25%/tháng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị K phải chịu 31.600.000 đồng (Ba mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Ch số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004402 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hoàn trả cho chị Hồ Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.600.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004230 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Từ